TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2023/DS-ST
Ngày 21-4-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim An
2. Bà Kiều Việt Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST- DS, ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST- DS, ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn*:** Bà NTS, sinh năm 1956 và bà PTMT, sinh năm 1979. Có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. ***Bị đơn:*** Bà HTT, sinh năm 1974 và ông TDĐ, sinh năm 1996. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà NTS và bà PTMT trình bày:

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2021 âm lịch, bà HTT và ông TDĐ, đều trú tại địa chỉ: Thôn X , xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi có vay của các bà số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để về lo T trải cuộc sống gia đình. Khi vay tiền của các bà thì bà HTT và ông TDĐ có viết giấy mượn tiền. Tại Giấy mượn tiền

hai bên không ghi về thời hạn trả nợ và lãi suất cho vay, nhưng có thỏa thuận bằng lời nói là vay trong thời gian hai tháng.

Từ tháng 7 năm 2021, bà S và bà T đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà HTT và ông TDĐ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng đến nay bà HTT và ông TDĐ vẫn không chịu trả nợ.

Vì vậy, nay bà NTS và bà PTMT yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà HTT và ông TDĐ phải có nghĩa vụ trả cho bà NTS và bà PTMT số tiền nợ gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng), bà NTS và bà PTMT không yêu cầu bà T và ông Đ phải trả lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn bà HTT và ông TDĐ đến Tòa án để giải quyết vụ án; nhưng bà HTT và ông TDĐ đều vắng mặt, nên không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 40, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/ NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTS và bà PTMT; buộc bà HTT và ông TDĐ phải trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T, bà S được miễn tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn bà HTT và ông TDĐ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành được quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tại "Giấy mượn tiền" lập ngày 18/5/2021 âm lịch; bà HTT và ông TDĐ có ghi địa chỉ thường trú ở thôn X, xã H , huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đơn khởi kiện, bà NTS và bà PTMT đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà T và ông Đ .

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì "Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới".

Theo điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: "Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, theo địa chỉ được ghi trong giao dịch hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn".

Nhưng bà T và ông Đ đã bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho bà S, bà T biết về nơi cư trú mới, nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự; điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, vụ án sẽ được xét xử theo thủ tục chung.

Theo Biên bản xác minh ngày 05/12/2022, Trưởng công an xã H cho biết bà HTT và ông TDĐ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng hiện nay, bà HTT và ông TDĐ không có mặt tại địa phương và cũng không báo địa phương về việc thay đổi nơi cư trú, nên địa phương không biết địa chỉ nơi cư trú mới của bà T, ông Đ.

[2.2] Bị đơn bà HTT và ông TDĐ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 31/3/2023, bà HTT và ông TDĐ vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa, ngày 21/4/2023 bà T và ông Đ tiếp tục vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà HTT và ông TDĐ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà NTS và bà PTMT cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là bản chính "Giấy mượn tiền" lập ngày 18/5/2021 âm lịch có tên người viết giấy và ký giấy mượn tiền là bà HTT và ông TDĐ. Bà NTS và bà PTMT cũng đã thực hiện việc gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho bà HTT và ông TDĐ qua đường bưu chính, Tòa án cũng đã thực hiện niêm yết đầy đủ các văn bản tố

tụng tại nơi ở, Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bà HTT và ông TDĐ và tại Tòa án, nhưng bà HTT và ông TDĐ không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà NTS và bà PTMT, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình.

Nay bà NTS và bà PTMT khởi kiện yêu cầu bà HTT và ông TDĐ phải có nghĩa vụ trả số tiền 10.000.000đồng còn nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Bà NTS và bà PTMT không yêu cầu bà T, ông Đ phải trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà NTS và bà PTMT được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc bà HTT và ông TDĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) (10.000.000đ x 5%= 500.000đồng) theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho bà PTMT số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0001661, ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 40; Điều 463; Điều 466; Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTS và bà PTMT, buộc bà HTT và ông TDĐ phải trả cho bà NTS và bà PTMT số tiền là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà HTT và ông TDĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà PTMT số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0001661, ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Bình